Mobil DTE 10 Excel™ Series

Dầu thủy lực chất lượng cao

Mô tả sản phẩm

Mobil DTE 10 Excel™ Series là dầu thủy lực chống mài mòn hiệu suất cao được pha chế đặc biệt để đáp ứng yêu cầu của các hệ thống thủy lực hiện đại, áp suất cao, thiết bị công nghiệp và thiết bị di động.

Mobil DTE 10 Excel Series được sản xuất từ dầu gốc được chọn lọc và hệ phụ gia độc quyền để cung cấp hiệu suất cân bằng tốt trong nhiều ứng dụng. Dòng sản phẩm này cho thấy độ bền oxy hóa và ổn định nhiệt vượt trội cho phép kéo dài tuổi thọ dầu và giảm thiểu sự hình thành cặn lắng trong những hệ thống thủy lực hoạt động khắc nghiệt với bơm có áp suất cao, lưu lượng cao. Thành tích giữ rất sạch đổi mới bảo vệ các thành phần hệ thống thủy lực quan trọng tránh khỏi sự cố, chẳng hạn như các van phụ và các van đối xứng có khe hở khít trong nhiều hệ thống thủy lực hiện đại. Tính ổn định cắt, chỉ số độ nhớt cao cho phép dầu hoạt động ở dãy nhiệt độ rộng, duy trì tối đa hiệu suất thủy lực và bảo vệ các bộ phận ở cả nhiệt độ thấp và nhiệt độ cao. Đặc tính thoát khí vượt trội cung cấp thêm một biện pháp bảo vệ trong các hệ thống có sự tuần hoàn nhanh, giúp ngăn ngừa hư hỏng do tạo bọt và cặn dầu. Dầu gốc và phụ gia được lựa chọn cẩn thận cho phép đạt các kết quả thử nghiệm độc tố cấp tính ở thủy sinh (LC-50, OECD 203) và phụ gia chống mài mòn không kẽm cung cấp sự bảo vệ ở mức độ cao cho bơm bánh răng, bơm cánh gạt và bơm piston đồng thời giảm tối thiểu sự hình thành cáu cặn.

Được pha chế trong phòng thử nghiệm chuyên sâu và qua thử nghiệm ngoài thực tế, Mobil DTE 10 Excel Series có thể giúp cung cấp sự gia tăng hiệu suất thủy lực so với các dầu thủy lực Mobil™ khác. Điều này đồng nghĩa với việc giảm tiêu thụ điện năng hoặc làm tăng năng suất máy, dẫn đến tiết kiệm chi phí.

Thử nghiệm hiệu quả trong phòng thí nghiệm kiểm chứng, Mobil DTE 10 Excel tăng thêm 6% hiệu suất bơm thủy lực so với Mobil DTE 20 khi hoạt động trong các ứng dụng thủy lực tiêu chuẩn.

Qua các thí nghiệm cũng như các kết quả sử dụng trong nhiều hệ thống thủy lực hiện đại, so với các dầu thủy lực Mobil thông thường thì Mobil DTE 10 Excel Series cho thấy tuổi thọ dầu nổi trội hơn do thời gian sử dụng dầu lâu đến gấp 3 lần, trong khi vẫn duy trì hệ thống thủy lực sạch sẽ và bảo vệ các bộ phận máy. Mobil DTE 10 Excel cũng cho thấy giá trị của chỉ số độ nhớt cao và tính ổn định cắt nổi bật của nó qua việc hoạt động hữu hiệu ở nhiệt độ thấp đến -34^{O}C và qua việc duy trì cấp độ nhớt ISO.

Mobil DTE 10 Excel cũng đã được thử nghiệm ở các bơm cánh gạt tiêu chuẩn để đối chứng với các sản phẩm cạnh tranh. Vào cuối 30 phút thử nghiệm, Mobil DTE 10 Excel đã cho kết quả là sự sinh nhiệt ở hệ thống ít hơn và nhiệt độ hệ thống được xác định là thấp hơn từ 6^{O}C - 7^{O}C so với các sản phẩm cạnh tranh ở cùng điều kiện.

Hiệu suất về năng lượng của Mobil DTE 10 Excel chỉ liên quan đến hiệu quả của dầu khi so với các dòng dầu thủy lực Mobil thông thường. Công nghệ áp dụng này cho phép tăng hiệu suất bơm thủy lực đến 6% so với Mobil DTE 20 Series khi thử nghiệm đối ứng trong các hệ thống thủy lực tiêu chuẩn. Sự khẳng định hiệu suất về năng lượng cho sản phẩm này được dựa trên kết quả thử nghiệm về việc sử dụng dầu tuân theo các tiêu chuẩn và định chuẩn công nghiệp thích hợp.

Tính năng và Lợi ích

Mobil DTE 10 Excel Series mang đến hiệu suất vượt trội cho hệ thống thủy lực; tính năng giữ sạch siêu hạng, và tuổi thọ dầu ở mức cao. Tính năng hiệu suất thủy lực có thể giúp giảm tiêu thụ năng lượng cho cả thiết bị công nghiệp và thiết bị di động, giảm chi phí hoạt động và nâng cao năng suất. Tính ổn định oxy hóa và ổn định nhiệt tuyệt vời của chúng có thể giúp kéo dài định kỳ thay dầu và thay phin lọc trong khi vẫn giúp đảm bảo hệ thống sạch sẽ. Đặc tính chống mài mòn mức độ cao

và độ bền màng dầu xuất sắc giúp bảo vệ thiết bị ở mức cao, điều đó không chỉ giảm thiểu hư hỏng máy móc mà còn giúp nâng cao năng lực sản xuất.

Tính năng	Ưu điểm và Lợi ích tiềm năng
Hiệu suất thủy lực tuyệt vời	Giảm mức tiêu thụ năng lượng hoặc tăng độ nhạy hệ thống.
Tính năng giữ sạch siêu việt.	Giảm cặn lắng ở hệ thống dẫn đến giảm bảo trì máy và tăng tuổi thọ các thiết bị.
Độ bền cắt, chỉ số độ nhớt cao.	Duy trì bảo vệ các thiết bị máy ở dãy nhiệt độ rộng.
Tính ổn định oxy hóa và ổn định nhiệt.	Kéo dài tuổi thọ dầu ngay cả ở những điều kiện hoạt động khắc nghiệt.
Tương thích tốt với các chất đàn hồi và các phớt.	Tuổi thọ phớt cao và giúp giảm việc bảo trì.
Đặc tính chống mài mòn	Giúp giảm mài mòn, bảo vệ bơm và các bộ phận, giúp kéo dài tuổi thọ thiết bị.
Tính năng tách khí xuất sắc	Giúp ngăn ngừa sự ngậm khí và hư hỏng do tạo bọt trong các hệ thống hoạt động có sự tuần hoàn nhanh.
Tương thích với nhiều kim loại.	Giúp đảm bảo hiệu suất và bảo vệ tuyệt vời cho bộ phận có nhiều kim loại khác nhau.

Ứng dụng

- Các hệ thống thủy lực công nghiệp và di động hoạt động ở áp suất và nhiệt độ cao trong các ứng dụng khắc nghiệt.
- Các hệ thống thủy lực dễ bị tích tụ các chất cặn lắng như các máy kỹ thuật số (CNC), đặc biệt ở những nơi mà các van phụ có khe hở khít được sử dụng.
- Ở các hệ thống mà thường khởi động ở nhiệt độ thấp và hoạt động ở nhiệt độ cao.
- Các hệ thống yêu cầu khả năng chịu tải và chống mài mòn ở mức độ cao.
- Các máy móc sử dụng nhiều bộ phận có các vật liệu kim loại khác nhau.
- Các máy nén khí trục vít dùng nén khí tự nhiên.

Thông số kỹ thuật và Sự chấp thuận

Mobil DTE 10 Excel Series đáp ứng hoặc vượt trên các yêu cầu của:	15	22	32	46	68	100	150
DIN 51524-2: 2006-09	X	X	X	X	X	X	X
DIN 51524-3: 2006-09	X	X	X	X	X		
ISO 11158 L-HV	X	X	X	X	X		
JCMAS HK VG32W (JCMAS P 041:2004)			X				
JCMAS HK VG46W (JCMAS P 041:2004)				X			
Bosch-Rexroth RE 90220-01			X	X	X		
Arburg				X			
Krauss-Maffei Kunststofftechnik				X			

Mobil DTE 10 Excel Series được sự chấp thuận của các nhà chế tạo sau:	15	22	32	46	68	100	150
Denison HF-0			X	X	X		
Eaton Vickers 694 (bao gồm I-286-S, M-2950-S hay M-2952-S trước đây)			X	X	X		
Bơm hàng thủy lực Frank Mohn, Framo				X			
MAG IAS, LLC				P-70	P-69		
ORTLINGHAUS-WERKE GMBH ON 9.2.10				X	X	X	X
STROMAG AG TM-000 327					X		

Đặc tính tiêu biểu

Mobil DTE10 Excel	15	22	32	46	68	100	150
Cấp độ nhớt ISO VG	15	22	32	46	68	100	150
Độ nhớt, ASTM D 445							
• cSt @ 40^{O}C	15.8	22.4	32.7	45.6	68.4	99.8	155.6
• cSt @ 100^{O}C	4.07	5.07	6.63	8.45	11.17	13.00	17.16
Chỉ số độ nhớt, ASTM D 2270	168	164	164	164	156	127	120
Độ nhớt Brookfield ASTM D 2983, cP @ -20^{O}C			1090	1870	3990	11240	34500
Độ nhớt Brookfield ASTM D 2983, cP @ -30^{O}C			3360	7060	16380	57800	
Độ nhớt Brookfield ASTM D 2983, cP @ -40^{O}C	2620	6390	14240	55770			
Ổ lăn côn (CEC L-45-A-99), % Độ nhớt mất đi	5	5	5	7	11	7	7
Khối lượng riêng 15^{O}C, ASTM D 4052, kg/L	0.8375	0.8418	0.8468	0.8502	0.8626	0.8773	0.8821
Ăn mòn lá đồng, ASTM D 130, 3giờ @ 100^{O}C	1B	1B	1B	1B	1B	1B	1B
Thử bánh răng FZG, DIN 51354, Bước hỏng	-	-	12	12	12	12	12
Điểm đông đặc, ^{O}C, ASTM D 97	-54	-54	-54	-45	-39	-33	-30
Điểm chớp cháy, ^{O}C, ASTM D 92	182	224	250	232	240	258	256
Dãy tạo bọt I, II, III, ASTM D 892 , ml	20/0	20/0	20/0	20/0	20/0	20/0	20/0
Điện áp đánh thủng, kV, ASTM D877	45	54	49	41			
Độc tố cấp tính ở thủy sinh (LC-50, OECD 203)	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

Sức khỏe và An toàn

Dựa trên thông tin sẵn có, sản phẩm này không gây ra ảnh hưởng có hại đến sức khỏe khi được dùng tuân theo các khuyến nghị trong Bản Kỹ Thuật An Toàn Vật Liệu (MSDS). Liên hệ văn phòng đại lý bán hàng của quí vị, hoặc thông qua website http://www.exxonmobil.com để có các Bản MSDS. Không nên dùng sản phẩm này khác với ứng dụng đã chỉ định. Chú ý bảo vệ môi trường khi thải bỏ sản phẩm đã qua sử dụng.

Tất cả các nhãn hiệu đã sử dụng ở đây là nhãn hiệu hoặc thương hiệu đã được đăng ký của Tập đoàn ExxonMobil hoặc một trong các công ty con của Tập đoàn này.

6-2013

ExxonMobil Asia Pacific Ltd
1 HarbourFront Place
#6-00 HarbourFront Tower One
Singapore 098633
http://www.exxonmobil.com

Do sự nghiên cứu và phát triển liên tục sản phẩm, các thông tin trên có thể thay đổi mà không cần thông báo. Các đặc tính tiêu biểu có thể biến đổi ở mức độ không đáng kể.

Bản quyền © 2001 – 2014 của tập đoàn ExxonMobil.